

Số: 88 /QĐ-KSBT

Thanh Hoá, ngày 20 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt giá dịch vụ tiêm chủng tại phòng tiêm chủng vắc xin dịch vụ
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Dược ngày 06/4/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược ngày 21/11/2024;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng; Nghị định 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược.

Căn cứ Thông tư 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế Quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính về Ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Nghị quyết số 596/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 694/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định bổ sung giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 Nghị quyết số 596/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của Hội đồng

nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định 82/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quy định phân công, phân cấp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định 63/QĐ-KSBT ngày 03/3/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu: Mua vắc xin phục vụ hoạt động dịch vụ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa năm 2025 - 2027, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua vắc xin phục vụ hoạt động dịch vụ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa năm 2025 - 2027, thuộc dự toán mua sắm Mua vắc xin phục vụ hoạt động dịch vụ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa năm 2025 – 2027;

Căn cứ Biên bản họp hội đồng khoa học kỹ thuật Xây dựng giá dịch vụ tiêm chủng tại phòng tiêm chủng vắc xin dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa ngày 14/3/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá dịch vụ tiêm chủng tại phòng tiêm chủng vắc xin dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- * Đối với vắc xin đơn liều (*chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo*).
- * Đối với vắc xin đa liều (*chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo*).
- * Đối với huyết thanh (*chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các ông, bà: Trưởng phòng KHN, Trưởng phòng TCKT, Trưởng Khoa Phòng chống Bệnh truyền nhiễm, các khoa/phòng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (thực hiện);
- Ban giám đốc TT KSBT (chỉ đạo);
- Lưu: VT, TCKT, KHN.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Bình Yên

Phụ lục 1:

GIÁ DỊCH VỤ TIÊM CHỦNG VẮC XIN ĐƠN LIỀU TẠI PHÒNG TIÊM CHỦNG VẮC XIN DỊCH VỤ TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSBT ngày tháng năm 2026)

TT	Tên vắc xin, sinh phẩm	Đơn vị tính	Giá dịch vụ tiêm chủng (VNĐ)	Ghi chú
1.	Avaxim 80U (Vắc xin phòng bệnh viêm gan A)	Lần	527.000	
2.	Twinrix (Vắc xin phòng bệnh: viêm gan A, viêm gan B)	Lần	582.000	
3.	Boostrix (Vắc xin phòng bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván)	Lần	674.000	
4.	Tetraxim (Vắc xin phòng bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt)	Lần	508.000	
5.	Hexaxim (Vắc xin phòng bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm gan B, Hib)	Lần	1.008.000	
6.	Infanrix hexa (Vắc xin phòng bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm gan B, Hib)	Lần	1.039.000	
7.	MMR-II (Vắc xin phòng bệnh: Sởi, Quai Bị, Rubella)	Lần	461.000	
8.	Priorix (Vắc xin phòng bệnh: Sởi, Quai Bị, Rubella)	Lần	334.000	
9.	Varivax (Vắc xin phòng bệnh thủy đậu)	Lần	1.012.000	
10.	Varilrix (Vắc xin phòng bệnh thủy đậu)	Lần	928.000	
11.	Influvac tetra (Vắc xin phòng cúm)	Lần	323.000	
12.	Gardasil 9 (Vắc xin phòng HPV 9 typ)	Lần	2.841.000	
13.	Rota Teq (Vắc xin phòng rotavirus)	Lần	605.000	
14.	Rotarix (Vắc xin phòng rotavirus)	Lần	848.000	
15.	Prevenar 13 (Vắc xin phòng các bệnh do phế cầu)	Lần	1.150.000	
16.	Prevenar 20 (Vắc xin phòng các bệnh do phế cầu)	Lần	1.482.000	
17.	Pneunovax 23 (Vắc xin phòng bệnh: nhiễm khuẩn do phế cầu)	Lần	908.000	

TT	Tên vắc xin, sinh phẩm	Đơn vị tính	Giá dịch vụ tiêm chủng (VNĐ)	Ghi chú
18.	Shingrix (Vắc xin Phòng bệnh: do virus Herpes zoster (HZ) và các biến chứng liên quan đến HZ)	Lần	3.526.000	
19.	Bexsero (Vắc xin phòng viêm màng não mô cầu nhóm B)	Lần	1.614.000	
20.	GC-Flu Quadrivalent (Vắc xin phòng cúm)	Lần	318.000	
21.	Havax (Vắc xin Phòng bệnh viêm gan A)	Lần	164.000	
22.	Gene-Hbvax 1ml (Vắc xin Phòng bệnh Viêm gan B)	Lần	132.000	
23.	Td (Vắc xin Phòng bệnh bạch hầu, uốn ván)	Lần	80.000	
24.	TT (Vắc xin Phòng bệnh uốn ván)	Lần	63.000	
25.	Indirab (Vắc xin Phòng bệnh dại)	Lần	224.000	
26.	Heberbiovac 20mcg (Vắc xin Phòng bệnh Viêm gan B)	Lần	131.000	
27.	Jeev 3mcg (Vắc xin phòng bệnh viêm não Nhật Bản)	Lần	333.000	
28.	Jeev 6mcg (Vắc xin phòng bệnh viêm não Nhật Bản)	Lần	448.000	
29.	VA-Mengoc-BC (Vắc xin Phòng bệnh viêm màng não do não mô cầu type B,C)	Lần	261.000	
30.	Qdenga (Vắc xin Phòng bệnh Sốt xuất huyết)	Lần	1.058.000	
31.	Barycela (Vắc xin Phòng bệnh thủy đậu)	Lần	844.000	
32.	Imojev (Vắc xin phòng bệnh viêm não Nhật Bản)	Lần	780.000	
33.	Menquadfi (Vắc xin phòng bệnh não mô cầu nhóm ACYW-135)	Lần	1.741.000	

Phụ lục 2:

GIÁ DỊCH VỤ TIÊM CHỦNG VẮC XIN ĐA LIỀU TẠI PHÒNG TIÊM CHỦNG VẮC XIN DỊCH VỤ TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSBT ngày tháng năm 2026)

TT	Tên vắc xin, sinh phẩm	Số lượng trẻ tiêm cùng thời điểm	Giá tiêm VX tại phòng tiêm chủng (VNĐ)	Ghi chú
1	IVACTUBER-BCG (Vắc xin Phòng bệnh Lao)	1 trẻ	142.000	
		2 trẻ	97.000	
		3 trẻ	83.000	
		4 trẻ	75.000	
		5 trẻ	71.000	
		6 trẻ	68.000	
		7 trẻ	66.000	
		8 trẻ	64.000	
		9 trẻ	63.000	
		10 trẻ	62.000	
2	MVvac (Vắc xin Phòng bệnh: Sởi)	1 trẻ	421.000	
		2 trẻ	235.000	
		3 trẻ	174.000	
		4 trẻ	143.000	
		5 trẻ	124.000	
		6 trẻ	112.000	
		7 trẻ	103.000	
		8 trẻ	96.000	
		9 trẻ	91.000	
		10 trẻ	87.000	

Phụ lục 3:

GIÁ DỊCH VỤ TIÊM CHỦNG HUYẾT THANH TẠI PHÒNG TIÊM CHỦNG VẮC XIN DỊCH VỤ TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSBT ngày tháng năm 2026)

TT	Tên vắc xin, sinh phẩm	Đơn vị tính	Giá tiêm VX tại phòng tiêm chủng (VNĐ)	Ghi chú
1	Ivacrig (Huyết thanh kháng đại tinh chế)	Lần	505.000	Nếu sử dụng 1 lọ huyết thanh
			970.000	Nếu sử dụng 2 lọ huyết thanh
			1.435.000	Nếu sử dụng 3 lọ huyết thanh
2	SAT (Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế)	Lần	90.000	Nếu sử dụng 1 lọ huyết thanh
			137.000	Nếu sử dụng 2 lọ huyết thanh